

Số: 13/2024/QĐST- DS

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 128 /TLST-DS ngày 04/10/2023 về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Cát T, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Tổ dân phố ĐB, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thái D, sinh năm 1967

Trú tại: SN 29, tổ 31, phố HN, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1955 (vợ ông T)

2. Anh Lê Đình G, sinh năm 1994 (con ông T)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Xuân, anh Giáp: Ông Lê Cát T, sinh năm 1957

3. Cụ Đặng Thị Th, sinh năm 1933

Đều trú tại: Tổ dân phố ĐB, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Thái: Ông Nguyễn Thái T1, sinh năm 1961, trú tại: Tổ 2 Ao Voi, phường DB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên thống nhất: Gia đình ông Lê Cát T (gồm ông T, bà Hoàng Thị X, con trai Lê Đình G) và ông Nguyễn Thái D, cụ Đặng Thị Th (đại diện theo ủy quyền anh ông Nguyễn Thái T1) nhất trí, phần diện tích đất đang tranh chấp $14,8m^2$ thửa số 227, tờ bản đồ 12 sẽ được dùng làm lối đi chung giữa hai gia đình ông T và ông Dương. Đồng thời mỗi bên sẽ góp thêm một phần diện tích đất của mình để mở rộng phần lối đi chung. Cụ thể như sau:

- Tổng diện tích phần lối đi chung là $113,4 m^2$, trong đó diện tích đất nằm vào thửa số 227, tờ bản đồ 12 của ông Lê Cát T là $63,5 m^2$ (đã bao gồm phần diện tích đất đang tranh chấp là $14,8m^2$), diện tích đất nằm vào thửa số 226, tờ bản đồ số 12 của ông Nguyễn Thái D là $48,9m^2$ (Theo giấy chứng nhận QSD đất số CS 571058 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 22/10/2019 mang tên Lê Cát T và Giấy chứng nhận QSD đất số AO 286861 do UBND thành phố TN cấp ngày 13/8/2007 mang tên Nguyễn Thái D).

Vị trí lối đi chung mới tại tổ dân phố DB, phường DB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên được ký hiệu tại các điểm 1-2-A-B-C-D-25-E-31-30-29-1 (theo trích đo hiện trạng sử dụng đất của công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ tài nguyên - môi trường và dịch vụ số 6).

- Phần lối đi chung sẽ thuộc quyền sử dụng chung của những người sử dụng, quản lý hai thửa đất số 227 và thửa số 226, tờ bản đồ 12, phường DB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Ông Lê Cát T sẽ chịu mọi chi phí thuê thợ phá bức tường giữa lối đi chung do nhà ông Dương xây từ năm 2007 và có trách nhiệm xây lại tường rào bên phía sát đất nhà ông T theo đúng vị trí, ranh giới lối đi chung đã thỏa thuận, đồng thời đổ đất, lát gạch tôn tạo lại phần đường đi chung. Bờ tường xây mới cao ít nhất 180cm.

Ông T có trách nhiệm xây mới 02 cổng: một cổng bắt đầu từ đường đi chung của xóm vào lối đi chung hai nhà rộng 4m, một cổng từ phần lối đi chung hai nhà đi vào thửa đất 227, tờ bản đồ số 12 của nhà ông T. Ông T có trách nhiệm xây lại cổng thoát nước chung cho hai nhà qua lối đi chung này, kích thước trong lòng cổng là sâu 50cm, rộng 40 cm, có lắp cống.

Ông Dương có trách nhiệm tháo phần cổng sắt cũ khi ông T mời thợ xây lại lối đi chung của hai nhà. Về thời gian thực hiện từ ngày 29/02/2024 đến ngày 19/03/2024.

2.3. Phần chi phí tổ tụng khác: Tổng chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản là 10.000.000 đồng, ông T nhận nộp toàn bộ chi phí này (đã quyết toán xong).

2.4. Án phí: Ông Lê Cát T tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí nhưng do là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân

